

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TANZANIA

Người liên hệ: Nguyễn Thị Chi
Tel: 024.35742022
Email: chint@vcci.com.vn

04.2021

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG TANZANIA

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	1
1. Các thông tin cơ bản.....	1
2. Lịch sử.....	1
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ.....	2
1. Tổng quan.....	2
2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:.....	2
3. Các chỉ số kinh tế.....	2
4. Các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, XNK, thuế v...v.....	2
III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	3
Các chuyên thăm cao cấp gần đây.....	3
IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM.....	4
1. Hợp tác thương mại.....	4
2. Hợp tác đầu tư.....	4
V. HỢP TÁC VỚI VCCI.....	5
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết.....	5
2. Hoạt động đã triển khai.....	5
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH.....	5
1. Địa chỉ hữu ích.....	5
2. Các thông tin khác.....	5



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	Cộng hòa Thống nhất Tanzania (United Republic of Tanzania)
Thủ đô	Dar es Salaam
Quốc khánh	26/4
Diện tích	947,300 km ²
Dân số	62,092,761 người (dự tính đến tháng 7/2021).
Khí hậu	Đa dạng từ nhiệt đới dọc bờ biển đến ôn đới ở vùng cao nguyên
Ngôn ngữ	Tiếng Swahili và tiếng Anh (dùng cho đối ngoại, thương mại, hành chính, giáo dục), tiếng Ả rập và một số thổ ngữ khác.
Tôn giáo	Đạo Thiên chúa (30%), Đạo hồi (35%), Tín ngưỡng cổ truyền (35%).
Đơn vị tiền tệ	đồng Shilling Tanzania (TZS), 1 USD = 1,571.1 ILS
Múi giờ	GMT + 3.00
Thể chế	Tanzania theo chế độ Cộng hòa.
Tổng thống	Samia Suluhu HASSAN (từ ngày 19/3/2021)

2. Lịch sử

Ngay sau khi giành được độc lập từ Anh vào đầu những năm 1960, Tanganyika và Zanzibar hợp nhất để hình thành các quốc gia của Tanzania năm 1964. Một đảng cai trị đã kết thúc vào năm 1995 với các cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên được tổ chức tại nước này kể từ những năm 1970. Tình trạng bán tự trị của Zanzibar và phe đối lập phổ biến đã dẫn tới hai cuộc bầu cử từ năm 1995, trong đó đảng cầm quyền thắng mặc cho tuyên bố các quan sát viên quốc tế về bầu cử bất thường.



II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Nền kinh tế Tanzania phụ thuộc vào nông nghiệp. Kỹ thuật canh tác lạc hậu, sản lượng thấp nên hàng năm phải nhập khẩu lương thực. Cơ giới hoá chỉ tập trung ở các nông trường, đồn điền, trang trại của tư bản ngoại quốc.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Về nông nghiệp: Tanzania đứng đầu thế giới về xuất khẩu sợi Sisal khoảng 181 000 tấn/năm. Ngoài ra, Tanzania còn có cà phê Arabica, bông, đinh hương, củi dừa, hạt điều, thuốc lá, mía... Rừng cũng là một nguồn lợi lớn của Tanzania với sản lượng khai thác hàng năm hơn 30 triệu m³ gỗ.

Về khoáng sản: Tanzania có kim cương, đá quý, vàng, thiếc, magnesite, photphát, quặng sắt, niken....

Về công nghiệp: Tanzania có chủ trương phát triển công nghiệp nhẹ, trước hết là công nghiệp địa phương nhằm sử dụng nguyên liệu tại chỗ nhưng trên thực tế phụ thuộc nhiều vào các nước công nghiệp phát triển về máy móc, kỹ thuật. Sản phẩm công nghiệp gồm : đường, bia, thuốc lá, sợi sisal, khai thác vàng và kim cương, giấy dếp, xi măng, dệt may....

Về dịch vụ: Du lịch là một trong những ngành thu ngoại tệ lớn nhất và tăng trưởng nhanh trong nền kinh tế Tanzania. Riêng với đảo Zanzibia, du lịch là một lĩnh vực đầy tiềm năng.

3. Các chỉ số kinh tế

	2015	2016	2017	2018	2019
GDP (ppp)	138.3 tỷ USD	150.6 tỷ USD	134.27 tỷ USD	141.58 tỷ USD	149.78 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	6.9%	7.2%	6.78%	6.95%	6.98%
GDP theo đầu người	3,000	3,100	2,530	2,590	2,660
GDP theo ngành	Nông nghiệp: 26.5% - Công nghiệp: 25.6% - Dịch vụ: 47.3%				
Tỷ lệ lạm phát	6.6 %	5.2%	5.3%	3.5%	3.4%
Mặt hàng nông nghiệp	Cà phê Arabica, bông, đinh hương, củi dừa, hạt điều, thuốc lá, mía...				
Các ngành công nghiệp	Sản xuất công nghiệp nhẹ. Sản phẩm công nghiệp gồm : đường, bia, thuốc lá, sợi sisal, khai thác vàng và kim cương, giấy dếp, xi măng, dệt may....				
Kim ngạch xuất khẩu	5.365 tỷ USD	5.697 tỷ USD	4.971 tỷ USD		
Mặt hàng chính	Cotton vàng, cà phê, hạt điều, máy móc sản xuất, bông dệt				
Kim ngạch nhập khẩu	10.49 tỷ USD	8.464 tỷ USD	7.869 tỷ USD		
Mặt hàng chính	Hàng tiêu dùng, sản phẩm chế tạo (máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải), nguyên liệu công nghiệp, dầu thô...				

4. Các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, XNK, thuế v...v

Cùng với các hoạt động cải cách kinh tế nói chung, môi trường đầu tư ở Tanzania được cải thiện rõ rệt. Chính Phủ đang cố gắng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài với những biện pháp như thả nổi tỷ giá ngoại hối, cấp giấy phép cho các ngân hàng nước ngoài hoạt động và giảm bớt những thủ tục hành



chính quan liêu trong thu hút đầu tư. Nhờ vậy, hoạt động đầu tư nước ngoài không ngừng gia tăng. Năm 2016, vốn FDI mới đạt 27,15 triệu. Các nhà đầu tư nhiều nhất vào Tanzania đến năm 2016 là Anh, Mỹ, Mauritius. Trung Quốc .

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Việt Nam và Tanzania thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ từ năm 1965. Năm 1966 ta mở Đại sứ quán tại thủ đô Dar es Salaam. Năm 1974, do khó khăn về kinh tế ta đã đóng cửa Đại sứ quán. Đến tháng 10/2002, ta đã mở lại Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania.

Các chuyến thăm cao cấp gần đây

Các đoàn Việt Nam sang Tanzania:

Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình (1970), Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ (1973), Bộ trưởng Võ Đông Giang (1982), Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Phú Bình (2001), Thứ trưởng Thương mại Lê Danh Vĩnh (2002), Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn Yếu (2006), Thứ trưởng Công Thương Lê Dương Quang (2010), Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội Phạm Minh Tuyên (2011); Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Phương Nga (5/2014). Đoàn Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (03/2016).

Đoàn Tanzania sang Việt Nam:

Nguyên Tổng thống J. Nyeree vào Việt Nam dự Hội nghị về hợp tác Nam – Nam với tư cách là Chủ tịch Phương Nam (1994), Ngoại trưởng Tanzania Jakaya Kikwete (2001), Bộ trưởng Công nghiệp và Thương mại (2004), Tổng thống Benjamin W.Mkapa (2004), Thủ tướng Edward Lowassa (2006), Bộ trưởng Nông nghiệp Tanzania (2007), Phó Chủ tịch Quốc hội Anne S.Makinda (11/2009), Thủ tướng Peter Pinda (3/2010), Tổng thống khu bán tự trị Dan-di-ba thuộc Tan-da-ni-a Ali Mohamed Shein (11/2012); Tổng thống Ki-quét-tê Gia-cay-a Mơ-ri-sô (10/2014)

Các Hiệp định, thỏa thuận đã ký giữa hai bên:

Hiệp định Thương mại (2001); Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học và công nghệ và Thỏa thuận thành lập Ủy ban hỗn hợp giữa Chính phủ Tanzania và Việt Nam (12/2004); HĐ miễn thị thực cho người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc công vụ (8/2010); Hiệp định vận tải biển (10/2014), Biên bản họp Ủy ban hỗn hợp lần 1 (12/2014).

Tanzania mong muốn được hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp vì vậy phía Tanzania cho biết sẵn sàng dành diện tích đất canh tác nông nghiệp lớn cho Việt Nam để khai thác và hợp tác và đề nghị Việt Nam cử chuyên gia nông nghiệp, thủy lợi. Về y tế, bên cạnh hình thức trao đổi chuyên gia Việt Nam giúp Tanzania chữa bệnh sốt rét, lao...bạn rất quan tâm hợp tác về chế biến thuốc Đông dược và học tập ta trong lĩnh vực y học cổ truyền. Hiện Việt Nam có 02 dự án nông nghiệp đối với Tanzania đang tìm các đối tác thực hiện, đó là dự án: Kinh tế hộ gia đình tổng hợp với Tanzania (chăn nuôi, trồng lúa, cơ khí máy móc nhỏ...) và Dự án Hợp tác trong lĩnh vực thủy sản, trồng và chế biến hạt điều ở đảo Zanzibar với Tanzania.



IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

1. Hợp tác thương mại

Quan hệ chính trị ngoại giao giữa nước ta và Tanzania có truyền thống tốt đẹp. Hiệp định thương mại được ký giữa hai nước năm 2001, với quy chế MFN trong buôn bán song phương đã mở ra nhiều cơ hội làm ăn mới cho các doanh nghiệp hai nước. Đây thực sự là khung pháp lý quan trọng cho hoạt động trao đổi hàng hoá giữa hai bên.

Trong xuất khẩu của nước ta sang Tanzania, gạo chiếm tỷ trọng lớn nhất (83-85%). Nhập khẩu gạo từ Việt Nam bình quân chiếm 50% nhu cầu nhập khẩu gạo hàng năm của Tanzania. Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu sang Tanzania một số sản phẩm cao su, dệt may, nguyên vật liệu xây dựng, đồ điện... với khối lượng rất nhỏ.

Việt Nam chỉ nhập khẩu từ Tanzania một số mặt hàng chủ yếu là hạt điều thô, bông, gỗ... Năm 2019 ta đã nhập khẩu từ Tanzania 226,7 triệu USD trong đó chủ yếu là hạt điều thô.

Năm 2019, ta đã xuất khẩu sang Tanzania 58,6 triệu USD trong đó chủ yếu là hàng dệt may và gạo. Tanzania đang có nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị và công nghệ chế biến hạt điều từ Việt Nam. Bên cạnh đó Tanzania cũng rất muốn hợp tác liên doanh với ta trong lĩnh vực dệt may, sản xuất sữa, sản xuất nước hoa quả và đặc biệt muốn hợp tác về nông nghiệp. Tanzania cũng là thị trường mà nước ta có thể nhập khẩu một số sản phẩm như hạt điều, bông, gỗ teck...

Hiện nay trao đổi thông tin giữa hai nước còn rất hạn chế, đặc biệt là thông tin trong lĩnh vực thương mại. Các doanh nghiệp của hai nước chưa hiểu biết nhiều về thị trường, về tập quán kinh doanh của nhau. Thực tế một số mặt hàng XK của Việt Nam đã xâm nhập vào thị trường Tanzania thông qua các công ty trung gian nước ngoài. Các doanh nghiệp Tanzania có khả năng tài chính còn hạn chế nên buôn bán trực tiếp theo phương thức mở L/C là khó thực hiện.

Kim ngạch XNK Việt Nam-Tanzania

(Đơn vị tính : triệu USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch
2014	51.647	84.575	136.235
2015	64.168	139.270	203.438
2016	28.6	145,4	174,2
2017	31	346	375
2018	50.65	N.A	50.65
2019	58.628	226.674	285.302
2020	37.929	182.418	220.347

(Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam)

2. Hợp tác đầu tư

Tập đoàn Viettel đã đầu tư thành công xây dựng viễn thông Halotel tại Tanzania với tổng số vốn hơn 700 triệu USD. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam hiện đang thiết lập quan hệ đại lý với Ngân hàng Trung ương Tanzania.



V. HỢP TÁC VỚI VCCI

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

Thỏa thuận hợp tác giữa 2 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Phòng thương mại, Công nghiệp và Nông nghiệp Tanzania tại Tanzania nhân chuyến thăm cấp nhà nước của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (3/2016).

2. Hoạt động đã triển khai

· Từ 4-12/4/2005, đoàn doanh nghiệp Tanzania gồm 10 thành viên sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Nhân dịp này, đoàn đã đi thăm các Bộ ngành, các doanh nghiệp, khu công nghiệp...

· Từ 5-8/ 9/2006, đoàn doanh nghiệp tháp tùng Thủ tướng Tanzania Edward Lowassa sang Việt Nam. Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam-Tanzania đã được tổ chức nhân dịp này với sự tham dự của Thủ tướng Tanzania và cộng đồng doanh nghiệp 2 nước.

· Tháng 10/2014, tổ chức Thảo luận bàn tròn với Tổng thống Tanzania về các cơ hội đầu tư, kinh doanh với Tanzania tại Hà Nội.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: 84-24-35742022	chint@vcci.com.vn
Tanzania		
Đại sứ quán Việt Nam tại Tanzania: Nguyễn Nam Tiến Plot 478 - Kawe Low Density P.O Box: 9724, Dares Salaam - Tanzania	T: 00 255 222 772269 F: 00 255 222 773138	vnembassy@raha.com
Đại sứ quán của Tanzania tại Trung Quốc kiêm nhiệm Việt Nam: Địa chỉ: BEIJING, 8 Ling Ma He Nan Lu Chaoyang, Beijing 100600	Điện thoại: +86-10-65321491/65321408/65321719 Fax: +86-10-65324351/65321695	Email: tanrep@tanzaniaembassy.org.cn
Tanzania Investment Centre: Shaaban Robert, Street 9A&B, P.O. Box 938 Dar es Salaam, Tanzania	T: +255 22 2116328 F: +255 22 2118253	information@tic.co.tz www.tic.co.tz

2. Các thông tin khác

*Website [CIA – The World Factbook](#)

*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)

